

Bản án số: 57/2019/HS-ST
Ngày 29 – 11 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui

2. Ông Bùi Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1957; tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân nghỉ hưu; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1912 (đã chết) và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1914 (đã chết); có chồng là Phạm Văn G, sinh năm 1954; có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1987); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/8/2019, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1965; tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1945, Không xác định được nhân thân, lai lịch của cha; có chồng là Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trịnh Thị L, sinh năm 1966; tại tỉnh Thanh Hóa. Hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã B huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc L2, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Hà Thị T1, sinh năm 1938 (đã chết); có chồng là Tô Văn H1, sinh năm 1964; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Nguyễn Ngọc K (tên gọi khác: B), sinh năm 1978; tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B2, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Ngọc L3, sinh năm 1957; có chồng là Phạm Văn L4, sinh năm 1981 (đã ly hôn); có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Trịnh Thị T1, sinh năm 1976; tại tỉnh Thanh Hóa. Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân nghỉ hưu; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc L2, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Lê Thị H2, sinh năm 1944; có chồng là Trần N1, sinh năm 1966; có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; tại tỉnh Thanh Hóa. Hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Đỗ Thị Đ (đã chết); có chồng là Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1959; có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1991); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thị Ngọc M1, sinh năm 1960, tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp I, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Trần Thị T2, sinh năm 1927 (đã chết); có chồng là Trịnh Văn B3, sinh năm 1955 (đã chết); có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1991); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Bùi Huy H3, sinh năm 1989, tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Huy L5, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1956 (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị C1, sinh năm 1951, tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân nghỉ hưu; trình độ học vấn: Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C2, và bà Phạm Thị M (đã chết); có chồng là Nguyễn Ngọc C3, sinh năm 1950 (đã chết); có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1985); tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/3/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 tháng 01 ngày tù về tội Đánh bạc theo Bản án số 26/2014/HSST, đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Phạm Thị L6, sinh năm 1972, tại tỉnh Thanh Hóa. Hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N4, sinh năm 1948 và bà Cao Thị U, sinh năm 1949 (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 19/3/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 tháng 23 ngày tù về tội Đánh bạc theo Bản án số 26/2014/HSST, đã chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ 12/8/2019 đến ngày 21/8/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Minh C4, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Nguyễn Thị H4, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp J, xã J1, huyện J2, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

6. Mai Văn H5, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Phạm Văn G. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 12/8/2019, Công an huyện Dầu Tiếng bắt quả tang Nguyễn Thị M, Bùi Huy H3, Phạm Thị L, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị L6, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị Ngọc M1 đang tham gia đánh bài Cào 03 lá thắng thua bằng tiền tại khu vực phía sau nhà vợ chồng ông Phạm Văn G, sinh năm 1954 và Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1957 tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương

Thu giữ vật chứng gồm:

Thu tại chiếu bạc: 01 tấm chắn (mền) có hoa văn màu tối, kích thước 02 x 02 m, được gấp làm 4 để trên nền gạch làm chiếu bạc, bên trên chiếu bạc có: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 2.350.000 đồng của các đối tượng dùng để đánh bạc như sau:

- Nguyễn Thị M, tiền Việt Nam 50.000 đồng
- Bùi Huy H3, tiền Việt Nam 50.000 đồng
- Phạm Thị L, tiền Việt Nam 100.000 đồng
- Lê Nguyễn Ngọc K, tiền Việt Nam 500.000 đồng
- Trịnh Thị L6, tiền Việt Nam 50.000 đồng
- Nguyễn Thị Ngọc H, tiền Việt Nam 650.000 đồng
- Trịnh Thị T1, tiền Việt Nam 100.000 đồng
- Nguyễn Thị C1, tiền Việt Nam 650.000 đồng
- Nguyễn Thị Ngọc M1, tiền Việt Nam 200.000 đồng

Thu giữ trên người các đối tượng như sau:

- Nguyễn Thị M, tiền Việt Nam 420.000 đồng
- Bùi Huy H3, tiền Việt Nam 3.300.000 đồng
- Phạm Thị L, tiền Việt Nam 2.660.000 đồng
- Lê Nguyễn Ngọc K, tiền Việt Nam 2.520.000 đồng
- Trịnh Thị L6 không có tài sản trên người
- Nguyễn Thị Ngọc H, tiền Việt Nam 1.800.000 đồng
- Trịnh Thị T1, tiền Việt Nam 980.000 đồng
- Nguyễn Thị C, tiền Việt Nam 2.000.000 đồng
- Nguyễn Thị Ngọc M1, tiền Việt Nam 1.820.000 đồng

Đồng thời thu giữ bên góc bếp nhà ông G: 02 bộ bài tây loại 52 lá gồm 01 bộ đã qua sử dụng, 01 bộ chưa sử dụng.

Thu giữ tại sân nhà ông G 09 xe mô tô gồm: 01 xe mô tô cup 78, biển số 61FD – 0646; 01 xe mô tô biển số 61V1 - 7831; 01 xe mô tô biển số 61N7 – 0551; 01 xe mô tô không có biển số, số máy 0000022, số khung 0000022; 01 xe mô tô Dream biển số 61T2 – 5126; 01 xe mô tô biển số 61V1 – 9010; 01 xe mô tô biển số 61N8 – 6076; 01 xe mô tô biển số 61H1 – 494.70; 01 xe mô tô biển số 61N1 – 8744.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

1. Nguyễn Thị Bé T: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/8/2019, Nguyễn Thị Bé T gọi điện thoại cho Nguyễn Thị C và Trịnh Thị T1 đến nhà Nguyễn Thị Bé T chơi đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, Trịnh Thị T1, Lê Nguyễn Ngọc K (Nguyễn Thị Bé T không gọi điện thoại mà K tự đến) nhà Nguyễn Thị Bé T. Trịnh Thị T1, Lê Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Thị Bé T rủ nhau chơi bài Xi dách thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt từ 01 – 02 tụ bài, mỗi tụ đặt số tiền 25.000 đồng. Nguyễn Thị Bé T vào nhà lấy 01 bộ bài tây đã qua sử dụng có sẵn trong nhà mang ra trước hiên nhà ngồi chơi với T1 và K do Nguyễn Thị Bé T làm cái. Nguyễn Thị Bé T sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc. Cả ba chơi được 01 ván thì Phạm Minh C4, sinh năm 1984, nơi thường trú: Ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương đến cùng tham gia. Tại đây, Nguyễn Thị Bé T làm cái được 03 ván bài Xi dách thì chuyển sang cho Phạm Minh C4 làm cái thêm 02 ván bài Xi dách. C4 thua hết số tiền 100.000 đồng mang theo nên về nhà không chơi nữa. Nguyễn Thị Bé T thua hết số tiền 75.000 đồng. Thấy C4 không chơi nữa nên T, K, T1 cũng nghỉ chơi. Lúc này, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị M, Phạm Thị L, Trịnh Thị L6, Bùi Huy H3, Nguyễn Thị Ngọc M1, Nguyễn Thị C1 đến. H rủ tất cả mọi người chơi bài Cào 03 lá thắng thua bằng tiền do H làm cái. Nguyễn Thị Bé T không tham gia. Nguyễn Thị Bé T đi mua 03 bộ bài tây và sử dụng 01 cái mền gấp lại để làm chiếu bạc. H làm cái được khoảng 15 phút thì xâu cho Nguyễn Thị Bé T 04 lần, mỗi lần với giá 50.000 đồng. Nguyễn Thị Bé T nhận tiền xâu của Nguyễn Thị Ngọc H tổng số tiền 200.000 đồng. Sau đó, Tư có công việc nên đi khỏi nhà.

2. Nguyễn Thị Ngọc H: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 12/8/2019, H điều khiển xe mô tô cup 78, biển số 61FD – 0646 mang theo số tiền 1.800.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị Bé T để đánh bạc. Tại đây, H làm cái cho các con bạc đặt từ 01 – 02 tụ, mỗi tụ đặt số tiền 50.000 đồng. H làm cái được khoảng 07 – 08 ván, thắng được số tiền 850.000 đồng, trong đó H trả tiền xâu cho Nguyễn Thị Bé T 04 lần với tổng số tiền 200.000 đồng và để số tiền 650.000 đồng trên chiếu bạc. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ số tiền 650.000 đồng trên chiếu bạc tại vị trí H ngồi và thu giữ trên người H số tiền 1.800.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

3. Trịnh Thị L6: Khoảng 16 giờ 55 phút ngày 12/8/2019, L6 điều khiển xe mô tô biển số 61V1 - 7831 mang theo số tiền 100.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị

Bé T để tham gia đánh bạc. Tại đây, L6 tham gia đặt 01 ván với số tiền 50.000 đồng thì bị thua. Còn lại số tiền 50.000 đồng, L6 để trên chiếu bạc ngay vị trí L6 ngồi thì bị Công an bắt quả tang.

4. Nguyễn Thị Ngọc M1: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 12/8/2019, M1 điều khiển xe mô tô biển số 61N7 – 0551 mang theo số tiền 2.020.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị Bé T để đánh bạc. Tại đây, M1 lấy ra số tiền 200.000 đồng để trên chiếu bạc và đặt 02 tụ bài, mỗi tụ đặt số tiền 50.000 đồng. M1 chơi được khoảng 07 – 08 ván không thắng, không thua thì bị Công an bắt quả tang, thu trên chiếu bạc tại vị trí ngồi của M1 là 200.000 đồng và thu trên người M1 số tiền 1.820.000 đồng.

5. Lê Nguyễn Ngọc K: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 12/8/2019, K điều khiển xe mô tô không có biển số (do quá trình sử dụng K làm mất biển số), số máy HA100SE0000022 và mang theo số tiền 2.520.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị Bé T để đánh bạc. Tại đây, K tham gia đánh bài hình thức Xì dách cùng với Nguyễn Thị Bé T, Trịnh Thị T1, Phạm Minh C4. K chơi được 05 ván bài Xì dách, không thắng, không thua. Sau khi T và C4 nghỉ chơi thì K chơi bài Cào thắng thua bằng tiền cùng với Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Ngọc M1, Phạm Thị L, Trịnh Thị L6, Trịnh Thị T1, Bùi Huy H3, Nguyễn Thị C cho đến khi bị bắt quả tang. Khi chơi bài cào, K đặt 02 tụ, mỗi tụ đặt số tiền 50.000 đồng, K chơi được 05 – 06 ván và thắng được số tiền 500.000 đồng để trên chiếu bạc. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ số tiền 500.000 đồng trên chiếu bạc ngay vị trí ngồi của K và thu giữ trên người K số tiền 2.520.000 đồng.

6. Phạm Thị L: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 12/8/2019, L điều khiển xe mô tô Dream biển số 61T2 - 5126 mang theo số tiền 2.660.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị Bé T để đánh bạc. Tại đây, L tham gia đặt 02 ván, mỗi ván 02 tụ bài, mỗi tụ số tiền 50.000 đồng. L tham gia được khoảng 02 – 03 ván. L thắng được số tiền 100.000 đồng để trên chiếu bạc. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ số tiền 100.000 đồng trên chiếu bạc ngay vị trí ngồi của L và thu giữ trên người số tiền 2.660.000 đồng.

7. Nguyễn Thị C1: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 12/8/2019, C1 điều khiển xe mô tô biển số 61V1 - 9010 mang theo số tiền 2.550.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị Bé T để đánh bạc. Tại đây, C1 lấy số tiền 550.000 đồng tham gia đặt 02 tụ, mỗi tụ đặt số tiền 50.000 đồng. C1 chơi được 02 ván thắng số tiền 100.000 đồng. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ số tiền 650.000 đồng trên chiếu bạc ngay vị trí ngồi của C1 và thu giữ trên người C1 số tiền 2.000.000 đồng.

8. Trịnh Thị T1: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 12/8/2019, T1 điều khiển xe mô tô biển số 61N8 - 6076 mang theo số tiền 700.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị Bé T để đánh bạc. Tại đây, T1 nhìn thấy T, C4, K đang chơi bài Xì dách nên cùng tham gia. T làm cái được 03 ván rồi chuyển qua cho C4 làm cái được 02 ván thì C4 thua hết tiền nên lấy xe ra về. Lúc này, Nguyễn Thị Ngọc H cùng những người còn lại đến nhà T rủ chơi bài Cào thắng thua bằng tiền nên T1

tham gia. T1 tham gia đánh bạc được khoảng 10 ván, thắng được số tiền 380.000 đồng. T1 cất số tiền 280.000 đồng vào trong người và để số tiền 100.000 đồng trên chiếu bạc. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ số tiền 100.000 đồng trên chiếu bạc ngay vị trí ngồi của T1 và thu giữ trên người T1 số tiền 980.000 đồng.

9. Nguyễn Thị M: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 12/8/2019, M điều khiển xe mô tô biển số 61N1 - 8744 mang theo số tiền 520.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị Bé T để đánh bạc. Tại đây, M lấy số tiền 100.000 đồng và đặt 01 tụ với số tiền 50.000 đồng. M chơi được 03 ván thì thua số tiền 50.000 đồng; M để trên chiếu bạc 50.000 đồng. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ số tiền 50.000 đồng trên chiếu bạc ngay vị trí ngồi của M và thu giữ trên người số tiền 420.000 đồng.

10. Bùi Huy H3: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 12/8/2019, H3 điều khiển xe mô tô biển số 61H1 - 494.70 mang theo số tiền 3.000.000 đồng đến nhà Nguyễn Thị Bé T để đánh bạc. Tại đây, H3 tham gia đánh bạc được 08 ván, mỗi ván đặt 01 tụ số tiền 50.000 đồng, H3 thắng được số tiền 350.000 đồng. H3 cất vào trong người 300.000 đồng và để số tiền 50.000 đồng trên chiếu bạc. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ số tiền 50.000 đồng trên chiếu bạc ngay vị trí ngồi của H3 và thu giữ trên người số tiền 3.300.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 17.850.000 đồng (thu tại chiếu bạc 2.350.000 đồng và thu trên người các bị cáo 15.500.000 đồng).

Ngày 13/8/2019, Nguyễn Thị Bé T tự nguyện giao nộp 500.000 đồng (trong đó có 300.000 đồng Nguyễn Thị Bé T dùng vào việc đánh bài Xi dách, 200.000 đồng là tiền xâu Nguyễn Thị Bé T nhận của Nguyễn Thị Ngọc H) cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng.

Đối với hành vi tham gia đánh bài Xi dách thắng thua bằng tiền với Nguyễn Thị Bé T, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1 của Phạm Minh C4 với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 3.620.000 đồng (C4 mang theo số tiền 100.000 đồng; T1 mang theo số tiền 700.000 đồng; K mang theo số tiền 2.520.000 đồng; Nguyễn Thị Bé T mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc) và C4 chưa có tiền án, tiền sự gì về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hay gá bạc nên hành vi của C4 không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Vì vậy ngày 21/10/2019, Công an huyện Dầu Tiếng đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 117/QĐ-XPHC.

Đối với ông Phạm Văn G, ông G không rủ các bị can đánh bạc cũng không tham gia vào việc đánh bạc nên hành vi của ông G không cấu thành tội Đánh bạc.

Tại Bản Cáo trạng số 54/CT-VKSĐT-HS ngày 04/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị L6, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ngọc M1, Bùi Huy H3, Nguyễn Thị

C1, Phạm Thị L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé T từ 46.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H từ 46.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Thị L6 từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Ngọc K từ 41.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Thị T1 từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M1 từ 41.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Huy H3 từ 41.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù.

* Xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 18.350.000 đồng.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 01 tấm mền có hoa văn màu tối, kích thước 02 x 02 m, được gấp làm 4 để trên nền gạch dùng làm chiếu bạc và 03 bộ bài tây 52 lá (02 bộ đã qua sử dụng và 01 bộ chưa sử dụng).

- Đối với 01 xe mô tô cup 78, biển số 61FD – 0646, do ông Nguyễn Văn N là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 12/8/2019, ông N không biết việc Nguyễn Thị Ngọc H điều khiển xe mô tô đến nhà bà Nguyễn Thị Bé T để tham gia đánh bạc vì vậy đề nghị trả cho ông Nguyễn Văn N 01 xe mô tô cup 78, biển số 61FD – 0646.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61N7 – 0551 do ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1941, nơi thường trú: Q khu phố Q1, phường Q2, thị xã Q3, tỉnh Bình Dương là người đứng tên chủ sở hữu. Ông N3 chết năm 2012. Trước khi chết, ông N3 cho chiếc xe mô tô trên cho con gái là Nguyễn Thị Ngọc M1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đây là phương tiện dùng để đi lại, Nguyễn Thị Ngọc M1 không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy, đề nghị trả cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M1.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61V1 – 7831 do Trịnh Thị L6 là chủ sở hữu hợp pháp. Đây là phương tiện dùng để đi lại, Trịnh Thị L6 không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy đề nghị trả cho bị cáo Trịnh Thị L6.

- Đối với 01 xe mô tô không có biển số (biển số 61F1 – 7836 nhưng đã bị mất), số máy HA100SE0000022 do bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1968, nơi thường trú: Ấp O, O1, O2, Bình Dương là người đứng tên chủ sở hữu. Năm 2014, bà H4 tặng cho Lê Nguyễn Ngọc K chiếc xe mô tô trên nhưng không làm thủ tục sang tên. Đây là phương tiện dùng để đi lại, Lê Nguyễn Ngọc K không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy đề nghị trả cho bị cáo Lê Nguyễn Ngọc K.

- Đối với 01 xe mô tô Dream biển số 61T2 – 5126 do ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968, nơi thường trú: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 12/8/2019, ông S không biết việc Phạm Thị L điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Thị Bé T đánh bạc. Vì vậy đề nghị trả xe mô tô Dream biển số 61T2 – 5126 cho ông S.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61N1 – 8744 do ông Nguyễn Thanh N2, sinh năm 1959, nơi thường trú: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 12/8/2019, ông N2 không biết việc Nguyễn Thị M điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Thị Bé T đánh bạc. Vì vậy đề nghị trả xe mô tô biển số 61N1 – 8744 do cho ông N2.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61V1 – 9010 do ông Mai Văn H5, sinh năm 1972, thường trú: Ấp F, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương là chủ sở hữu hợp

pháp. Ngày 12/8/2019, ông H5 không biết việc Nguyễn Thị C điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Thị Bé T đánh bạc. Vì vậy đề nghị trả xe mô tô biển số 61V1 – 9010 cho ông H5.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61N8 – 6076 do Trịnh Thị T1 là chủ sở hữu hợp pháp. Đây là phương tiện dùng để đi lại, Trịnh Thị T1 không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy đề nghị trả xe mô tô biển số 61N8 – 6076 cho bị can Trịnh Thị T1.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61H1 – 494.70 do Bùi Huy H3 là chủ sở hữu hợp pháp. Đây là phương tiện dùng để đi lại, Bùi Huy H3 không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy đề nghị trả xe mô tô biển số 61H1 – 494.70 cho bị cáo Bùi Huy H3.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị L6, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ngọc M1, Bùi Huy H3, Nguyễn Thị C1, Phạm Thị L không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện rõ sự ăn năn, hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm Sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 12/8/2019, tại khu vực phía sau nhà vợ chồng ông Phạm Văn G, sinh năm 1954 và Nguyễn Thị Bé T tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo Nguyễn Thị M, Bùi Huy H3, Phạm Thị L, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị L6, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị Ngọc M1 đang đánh bạc dưới hình thức bài Cào thắng thua bằng tiền do Nguyễn Thị Ngọc H làm cái, mỗi ván đặt từ 01 – 02 tụ bài, mỗi tụ 50.000 đồng thì bị Công an huyện Dầu Tiếng bắt quả tang. Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.850.000 đồng (trong đó thu tại chiếu bạc 2.350.000

đồng và thu trên người các bị cáo 15.500.000 đồng). Nguyễn Thị Bé T không tham gia chơi nhưng có đi mua 03 bộ bài tây và sử dụng 01 cái mền gấp lại để làm chiếu bạc cho các con bạc tham gia đánh bạc dưới hình thức bài Cào thắng thua bằng tiền và có lấy tiền xâu là 200.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị L6, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ngọc M1, Bùi Huy H3, Nguyễn Thị C, Phạm Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Đối với hành vi tham gia đánh bài Xi dách thắng thua bằng tiền của Phạm Minh C4 với Nguyễn Thị Bé T, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1 với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 3.620.000 đồng, Phạm Minh C4 chưa có tiền án, tiền sự gì về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hay gá bạc nên hành vi của C4 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Ngày 21/10/2019, Công an huyện Dầu Tiếng đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 117/QĐ-XPHC là đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với ông Phạm Văn G, ông G không rủ các bị cáo đánh bạc cũng không tham gia vào việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không xử lý hành vi của ông G là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến lối sống lành mạnh trong cộng đồng dân cư, là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Các bị cáo lẽ ra phải sống chân chính, có ích cho gia đình và xã hội, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên mặc dù các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo

[6] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo đủ để để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là gián đơn không phải là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị Bé T là người rủ rê các bị cáo khác chơi bài Xi dách thắng thua bằng tiền; sau đó bị cáo Nguyễn Thị Bé T không tham gia chơi bài cào 03 lá nhưng để cho các bị cáo khác sử dụng nhà của mình để đánh bạc; đồng thời có đi mua 03 bộ bài tây và sử dụng 01 cái mền gấp lại để làm chiếu bạc cho các con bạc tham gia đánh bạc, có lấy tiền xâu nên bị cáo có vai trò tích cực nhất. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H là người rủ rê các bị cáo khác chơi bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền, bị cáo làm cái từ khi bắt đầu chơi bài cào ba lá cho đến khi bị bắt nên có vai trò thứ hai. Các bị cáo còn lại đều là người trực tiếp đánh bài thắng thua bằng tiền, số tiền sử dụng đánh bạc chênh lệch nhau không quá lớn nên có vai trò ngang nhau; bị cáo Trịnh Thị L sử dụng số tiền đánh

bạc ít nhất (100.000 đồng) và tham gia đánh 01 ván nên có vai trò thấp nhất.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị L6, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ngọc M1, Bùi Huy H3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát chỉ đề nghị cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và thể hiện rõ sự ăn năn, hối hận của mình, trong thời gian tại ngoại các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trịnh Thị T1 có mẹ là Lê Thị H2 là người có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Thị M có cha là ông Nguyễn Xuân V là thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị L6, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ngọc M1, Bùi Huy H3 là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Nguyễn Thị C1, Phạm Thị L có nhân thân xấu thể hiện việc đã bị xét xử tại Bản án số 26/2014/HSST ngày 19/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[10] Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; đều là người dân lao động; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hầu hết các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương. Bị cáo Nguyễn Thị C1, Phạm Thị L có nhân thân xấu nhưng đã được xóa án tích nên được coi như chưa bị kết án; đồng thời bị cáo Nguyễn Thị C1, Phạm Thị L có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo phạm Thị L có chồng tên Nguyễn Văn S bị tai biến năm 2017, sức khỏe yếu; bị cáo Nguyễn Thị C là người cao tuổi (68 tuổi). Do đó, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội; Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và cũng như không làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[11] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện

kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về tội danh đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt tiền với các bị cáo Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị L6, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ngọc M1, Bùi Huy H3 là phù hợp nhưng mức hình phạt là cao nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Nguyễn Thị C1, Phạm Thị L như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo nên không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát mà áp dụng hình phạt tiền.

[12] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 17.850.000 đồng thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo. Đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 500.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị Bé T giao nộp ngày 13/8/2019. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị Bé T sử dụng 300.000 đồng vào việc đánh bài Xi dách nhưng đã bị thua 75.000.000 đồng còn lại 225.000 đồng và số tiền 200.000 đồng là tiền xâu nhận của Nguyễn Thị Ngọc H. Như vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng cộng số tiền 425.000 đồng (225.000 đồng còn lại của bị cáo Nguyễn Thị Bé T sử dụng vào mục đích đánh bạc và 200.000 đồng thu lợi bất chính). Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Bé T xác định tự nguyện giao nộp và đề nghị sung vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền 500.000 đồng do bị cáo giao nộp ngày 13/8/2019, không yêu cầu trả lại số tiền 75.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với 01 tấm mền có hoa văn màu tối, kích thước 02 x 02 m, được dùng làm chiếu bạc và 03 bộ bài tây 52 lá (02 bộ đã qua sử dụng và 01 bộ chưa sử dụng) là tang vật của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô cup 78, biển số 61FD – 0646, do ông Nguyễn Văn N là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 12/8/2019, ông N không biết việc Nguyễn Thị Ngọc H điều khiển xe mô tô đến nhà bà Nguyễn Thị Bé T để tham gia đánh bạc vì vậy cần trả lại cho ông Nguyễn Văn N.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61N7 – 0551 do ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1941, nơi thường trú: Q khu phố Q1, phường Q2, thị xã Q3, tỉnh Bình Dương là người đứng tên chủ sở hữu. Ông N3 chết năm 2012. Trước khi chết, ông N3 cho chiếc xe này cho con gái là Nguyễn Thị Ngọc M1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Nguyễn Thị Ngọc M

không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy, trả cho lại bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61V1 – 7831 do Trịnh Thị L là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Trịnh Thị L không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy trả lại cho bị cáo Trịnh Thị L.

- Đối với 01 xe mô tô không có biển số (biển số 61F1 – 7836 nhưng đã bị mất), số máy HA100SE0000022 do bà Nguyễn Thị H4 sinh năm 1968, nơi thường trú: Ấp O, O1, O2, Bình Dương là người đứng tên chủ sở hữu. Năm 2014, bà H4 tặng cho Lê Nguyễn Ngọc K chiếc xe mô tô trên nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Lê Nguyễn Ngọc K không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Ngọc K.

- Đối với 01 xe mô tô Dream biển số 61T2 – 5126 do ông Nguyễn Văn S là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 12/8/2019, ông S không biết việc Phạm Thị L điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Thị Bé T đánh bạc. Vì vậy cần trả lại cho ông S.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61N1 – 8744 do ông Nguyễn Thanh N2 là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 12/8/2019, ông N2 không biết việc Nguyễn Thị M điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Thị Bé T đánh bạc. Vì vậy cần trả lại cho ông N2.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61V1 – 9010 do ông Mai Văn H5 là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 12/8/2019, ông H5 không biết việc Nguyễn Thị C1 điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Thị Bé T đánh bạc. Vì vậy cần trả lại cho ông H5.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61N8 – 6076 do Trịnh Thị T1 là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Trịnh Thị T1 không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy trả lại cho bị cáo Trịnh Thị T1.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 61H1 – 494.70 do Bùi Huy H3 là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy, đây là phương tiện dùng để đi lại, Bùi Huy H không sử dụng làm công cụ, phương tiện phục vụ cho việc tham gia đánh bạc. Vì vậy trả lại cho bị cáo Bùi Huy H.

[14] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị L, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1, Nguyễn

Thị M, Nguyễn Thị Ngọc M1, Bùi Huy H3, Nguyễn Thị C1, Phạm Thị L6 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Trịnh Thị L6 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Ngọc K 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M1 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Bùi Huy H3 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Trịnh Thị T1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C1 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 18.350.000 đồng (trong đó có 17.850.000 đồng thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo và 500.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thị Bé T giao nộp ngày 13/8/2019).

(Theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002469 ngày 31/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).

- Tịch thu tiêu hủy 01 tấm mền có hoa văn màu tối, kích thước 02 x 02 m, và 03 bộ bài tây 52 lá (trong đó 02 bộ đã qua sử dụng và 01 bộ chưa sử dụng).
- Trả lại cho ông Nguyễn Văn N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Cup

78, màu sơn xanh, biển số 61FD – 0646, số máy 61SD0646, không rõ số khung.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WaveRS, màu sơn xanh, biển số 61N7 – 0551, số máy VZS152FMH027053, số khung: 027053.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu sơn vàng – đen, biển số 61V1 – 7831, số máy: 5B96090783, không rõ số khung.

- Trả lại cho bị cáo Lê Nguyễn Ngọc K 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu sơn đen; không có biển số (biển số 61F1 – 7836 nhưng đã bị mất), số máy HA100SE0000022.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu sơn nâu, biển số 61T2 – 5126 số máy HA08E0525321, số khung 08013Y525563.

- Trả lại cho ông Nguyễn Thanh N2 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Smash, màu sơn xanh đen, biển số 61N1 – 8744, số máy E432VN200973, không rõ số khung.

- Trả lại cho ông Mai Văn H5 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ đen, biển số 61V1 – 9010, số máy: 5C64202623, số khung: 5C6409Y202623.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Thị T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Neo, màu sơn đen – bạc, biển số 61N8 – 6076, số máy: JC35E0150922, số khung RLHJ035096Y049925.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Huy H3 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đen, biển số 61H1 – 494.70, số máy JA39E0836548, số khung: RLHJA3903HY856377.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Ngọc H, Trịnh Thị L6, Lê Nguyễn Ngọc K, Trịnh Thị T1, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ngọc M1, Bùi Huy H3, Nguyễn Thị C1, Phạm Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện D;
- PV 27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã B, huyện D;
- UBND xã E, huyện D;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam